

Số: 36/QĐ-LTT-TTGD Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả rèn luyện năm học 2024-2025
cho sinh viên các lớp khóa 22C3 và khóa 22C7**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về “Điều lệ trường cao đẳng”;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-LTT-TC ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-LTT-TTGD ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế công tác sinh viên;

Xét đề nghị của Hội đồng Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên năm học 2024-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện năm học 2024-2025 cho 113 sinh viên các lớp khóa 22C3 và khóa 22C7 theo danh sách đính kèm, gồm:

- Xếp loại Tốt: 01 sinh viên.
- Xếp loại Khá: 69 sinh viên.
- Xếp loại Trung bình: 39 sinh viên.
- Xếp loại Yếu: 04 sinh viên.

Điều 2. Kết quả rèn luyện năm học 2024-2025 là cơ sở để xét kết quả rèn luyện toàn khóa cho sinh viên và được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng đơn vị có liên quan trực thuộc Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh, cổ vấn học tập các lớp và những sinh viên có tên ghi nơi Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, P.TTGD.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Hồng Minh

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2024-2025
CHO SINH VIÊN CÁC LỚP KHÓA 22C3 VÀ KHÓA 22C7**

(Kèm theo Quyết định số 36 /QĐ-LTT-TTGD ngày 17 tháng 01 năm 2025
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã số SV	Họ	Tên	LỚP	Học kỳ I		Học kỳ II		Năm học		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1	22001114	Trần Duy	An	22C3-CCK1	50	Trung bình			50	Trung bình	
2	22003001	Huỳnh Chí	Hào	22C3-CCK1	35	Yếu			35	Yếu	
3	22003038	Nguyễn Hoàng Phú	Hiệp	22C3-CCK1	56	Trung bình			56	Trung bình	
4	22003632	Lê Nhật	Hoàng	22C3-CCK1	57	Trung bình			57	Trung bình	
5	22003204	Dương Trần Anh	Khoa	22C3-CCK1	56	Trung bình			56	Trung bình	
6	22003291	Nguyễn Vũ	Luân	22C3-CCK1	35	Yếu			35	Yếu	
7	22003635	Tiền Chí	Lương	22C3-CCK1	62	Trung bình			62	Trung bình	
8	22004641	Lê Phước Hoàng	Minh	22C3-CCK1	62	Trung bình			62	Trung bình	
9	22003598	Đặng Hoài	Nam	22C3-CCK1	53	Trung bình			53	Trung bình	
10	22001097	Tô Phạm Anh	Pháp	22C3-CCK1	64	Trung bình			64	Trung bình	
11	22002752	Nguyễn Trường	Thịnh	22C3-CCK1	62	Trung bình			62	Trung bình	
12	22003322	Nguyễn Quang	Tiền	22C3-CCK1	61	Trung bình			61	Trung bình	
13	22000495	Trần Quốc	Bảo	22C3-CNÔ1	64	Trung bình			64	Trung bình	
14	22001888	Trần Hữu	Bình	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
15	22002131	Nguyễn Tấn	Đạt	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
16	22001911	Nguyễn Trọng	Hoàng	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
17	22000522	Võ Anh	Hoàng	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
18	22002240	Nguyễn Thế	Hợp	22C3-CNÔ1	65	Trung bình			65	Trung bình	
19	22003884	Dương Thái Thịnh	Hưng	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
20	22002646	Trần Quang	Huy	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
21	22001460	Lê Quốc	Khánh	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
22	22002659	Phan Hoàng Nhuận	Khánh	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
23	22002792	Nguyễn Hữu	Khoa	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
24	22000935	Trương Minh	Khôi	22C3-CNÔ1	75	Khá			75	Khá	
25	22002140	Lê Văn	Long	22C3-CNÔ1	69	Trung bình			69	Trung bình	
26	22003030	Trần Minh	Mẫn	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
27	22002364	Trần Khắc	Nghị	22C3-CNÔ1	63	Trung bình			63	Trung bình	
28	22002101	Phạm Tấn	Nghĩa	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
29	22002788	Trương Anh	Nhật	22C3-CNÔ1	68	Trung bình			68	Trung bình	
30	22003019	Đoàn Tấn	Phát	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
31	22002353	Nguyễn Thành	Phát	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
32	22002315	Nguyễn Minh	Quân	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
33	22002628	Nguyễn Hồ Minh	Quang	22C3-CNÔ1	61	Trung bình			61	Trung bình	
34	22002197	Nguyễn Phú	Thành	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
35	22001795	Nguyễn Minh	Thiện	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
36	22003029	Võ Thái	Toàn	22C3-CNÔ1	74	Khá			74	Khá	
37	22003013	Trần Văn	Tuấn	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
38	22001209	Lương Thanh	Tùng	22C3-CNÔ1	70	Khá			70	Khá	
39	22003888	Nguyễn Tuấn	Anh	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
40	22003810	Lương Đình	Cường	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
41	22002005	Nguyễn Tấn	Đạt	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
42	22003330	Nguyễn Thanh	Duy	22C3-CNÔ2	55	Trung bình			55	Trung bình	
43	22004095	Nghiêm Nguyễn Gia Phong	Hào	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
44	22003633	Phạm Hải	Hiệp	22C3-CNÔ2	78	Khá			78	Khá	
45	22003445	Dương Quốc Huy	Hoàng	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
46	22004360	Bùi Thanh	Huy	22C3-CNÔ2	76	Khá			76	Khá	
47	22000552	Nguyễn Minh	Khánh	22C3-CNÔ2	76	Khá			76	Khá	
48	22002133	Huỳnh Kim	Khuê	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	



Chữ ký

STT	Mã số SV	Họ	Tên	LỚP	Học kỳ I		Học kỳ II		Năm học		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
49	22003308	Lê Quyền Gia	Nghĩa	22C3-CNÔ2	50	Trung bình			50	Trung bình	
50	22000730	Nguyễn Hữu	Nghĩa	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
51	22003542	Trần Hữu	Nghĩa	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
52	22003648	Đoàn Trung	Nguyễn	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
53	22003358	Trần Huy	Phát	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
54	22003408	Huỳnh Thanh	Phong	22C3-CNÔ2	60	Trung bình			60	Trung bình	
55	22003083	Hồ Hoàng	Phúc	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
56	22002465	Hồ Nguyễn Gia	Phúc	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
57	22002685	Nguyễn Thành	Phương	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
58	22003194	Phạm Huỳnh Thanh	Quyển	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
59	22004253	Trương Duy	Thịnh	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
60	22003984	Nguyễn Hải	Tín	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
61	22003678	Nguyễn Khắc	Vinh	22C3-CNÔ2	70	Khá			70	Khá	
62	22002464	Ngô Hoài	Ân	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
63	22002544	Trần Xuân	Bình	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
64	22004257	Đỗ Xuân	Chiến	22C3-CNÔ3	76	Khá			76	Khá	
65	22003875	Nguyễn Văn	Cường	22C3-CNÔ3	69	Trung bình			69	Trung bình	
66	22003568	Bùi Nguyễn Thành	Đạt	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
67	22003025	Nguyễn Hồ	Đạt	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
68	22002178	Nguyễn Chung Anh	Duy	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
69	22003218	Nguyễn Văn	Hoàng	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
70	22002094	Lâm Gia	Huy	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
71	22002779	Võ Minh	Khánh	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
72	22002924	Thái Anh	Khoa	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
73	22001972	Lê Nhứt	Lâm	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
74	22003849	Tạ Trường	Lộc	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
75	22001978	Cao Hoàng	Luân	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
76	22003238	Mai Thành	Nam	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
77	22002900	Phan Trọng	Nhân	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
78	22002076	Trần Hoàng	Phong	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
79	22003658	Lê Văn	Sĩ	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
80	22001506	Phạm Văn	Tâm	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
81	22003861	Đặng Thanh	Tân	22C3-CNÔ3	69	Trung bình			69	Trung bình	
82	22002821	Nguyễn Đức	Thắng	22C3-CNÔ3	64	Trung bình			64	Trung bình	
83	22002280	Nguyễn Văn	Thiện	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
84	22000859	Nguyễn Văn	Thịnh	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
85	22001696	Trần Hữu Vương	Thông	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
86	22002981	Lê Thái	Tiến	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
87	22000590	Nguyễn Trọng	Tín	22C3-CNÔ3	78	Khá			78	Khá	
88	22003670	Lê Minh	Tính	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
89	22001726	Lê Văn	Trà	22C3-CNÔ3	76	Khá			76	Khá	
90	22002868	Nguyễn Đình	Trí	22C3-CNÔ3	70	Khá			70	Khá	
91	22003185	Nguyễn Chí	Cường	22C7-CCK1	58	Trung bình			58	Trung bình	
92	22004174	Phạm Quang	Dũng	22C7-CCK1	58	Trung bình			58	Trung bình	
93	22002689	Nguyễn Thế	Hùng	22C7-CCK1	62	Trung bình			62	Trung bình	
94	22003938	Phạm Anh	Khoa	22C7-CCK1	57	Trung bình			57	Trung bình	
95	22003745	Lê Thanh	Lượng	22C7-CCK1	58	Trung bình			58	Trung bình	
96	22003828	Phạm Công	Thành	22C7-CCK1	60	Trung bình			60	Trung bình	
97	22001132	Nguyễn Đức	Thuận	22C7-CCK1	72	Khá			72	Khá	
98	22004594	Cao Đình	Thuyền	22C7-CCK1	67	Trung bình			67	Trung bình	
99	22002227	Nguyễn Thành	Tín	22C7-CCK1	80	Tốt			80	Tốt	
100	21001465	Huỳnh Ngô Quốc	Việt	22C7-CCK1	60	Trung bình			60	Trung bình	
101	22003186	Lê Nguyễn Phú	Vinh	22C7-CCK1	58	Trung bình			58	Trung bình	
102	22004713	Nguyễn Đình	Vững	22C7-CCK1	60	Trung bình			60	Trung bình	
103	22003405	Nguyễn Đăng	Vương	22C7-CCK1	55	Trung bình			55	Trung bình	
104	22001008	Phạm Quốc	Cường	22C7-LTM1	75	Khá			75	Khá	
105	22001872	Phùng Tuấn	Đạt	22C7-LTM1	61	Trung bình			61	Trung bình	
106	22004102	Hoàng Tiến	Dũng	22C7-LTM1	64	Trung bình			64	Trung bình	
107	22003977	Huỳnh Chí	Dũng	22C7-LTM1	65	Trung bình			65	Trung bình	
108	22000773	Trương Lương Huy	Hào	22C7-LTM1	45	Yếu			45	Yếu	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	LỚP	Học kỳ I		Học kỳ II		Năm học		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
109	22004046	Nguyễn Hữu	Hiển	22C7-LTM1	65	Trung bình			65	Trung bình	
110	22001523	Phan Nguyễn Nhật	Quỳnh	22C7-LTM1	45	Yếu			45	Yếu	
111	22002536	Nguyễn Hoài	Thương	22C7-LTM1	60	Trung bình			60	Trung bình	
112	22002635	Dương Đại	Tôn	22C7-LTM1	61	Trung bình			61	Trung bình	
113	22002780	Trần Hoàng	Việt	22C7-LTM1	75	Khá			75	Khá	
TỔNG CỘNG: 113 SINH VIÊN											

THỐNG KÊ		
Xuất sắc	0	0,00%
Tốt	1	0,88%
Khá	69	61,06%
Trung bình	39	34,51%
Yếu	4	3,54%
Không xếp loại	0	0,00%
	113	100%

Ch



